

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2024/LĐ-ST
Ngày: 18- 7- 2024
V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
lao động”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

2. Bà Phạm Thị Thu Yến – Nguyên Phó Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 43/2024/TLST-LĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2024/QĐXXST-LĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2024/QĐST-LĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: Số D, Khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Đ; địa chỉ: Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. *Bảo hiểm xã hội thành phố T*, địa chỉ: Đường N, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3.2. Bà Dương Thị N1, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Nguyên từ trước đến nay bà Nguyễn Thị N là công nhân làm việc trên địa bàn tỉnh Bình Dương, nay bà N có nhu cầu rút bảo hiểm nên vào khoảng tháng 09 năm 2023 thì bà N có đến liên hệ với Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương để rút bảo hiểm theo đúng quy định. Sau đó, bà N được Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương thông báo thời điểm từ tháng 10 năm 2008 đến tháng 01 năm 2010 bà N có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH Đ nên Công ty TNHH Đ có thực hiện đóng bảo hiểm lao động cho bà N vào thời gian trên.

Tuy nhiên, trên thực tế khoảng thời điểm nêu trên bà N cũng đang làm việc cho công ty khác trên địa bàn tỉnh Bình Dương nên cùng một khoảng thời gian bà N được đóng bảo hiểm tại hai công ty. Do đó, đến nay bà N không thể rút bảo hiểm xã hội theo đúng quy định được.

Vào thời gian nêu trên bà N có cho cháu gái của bà N là Bà Dương Thị N1 mượn giấy chứng minh nhân dân của bà N (tên Nguyễn Thị N), để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ với tên của bà N (Nguyễn Thị N) và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của bà N từ tháng 10 năm 2008 đến tháng 01 năm 2010, nhưng trên thực tế bà Dương Thị N1 là người ký kết hợp đồng và trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH Đ, do thời điểm nêu trên bà Dương Thị N1 không có giấy tờ tùy thân nên mới mượn chứng minh của bà N để thực hiện ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ theo hợp đồng lao động năm 2008.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa bà Dương Thị N1 và Công ty TNHH Đ là sai quy định, đã vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà N được pháp luật bảo vệ.

Nay, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án: Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Nguyễn Thị N (do bà Dương Thị N1 là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH Đ trong khoảng thời gian làm từ tháng 10 năm 2008 đến tháng 01 năm 2010 là vô hiệu toàn bộ.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Sổ bảo hiểm xã hội; Công văn số 1767/LĐT BXH-BHXH ngày 31/5/2022; Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 2022.048/QĐCDHĐ-TTIDMN: X-TTID-046 ngày 30/9/2022;

- Bị đơn Công ty TNHH Đ đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng người đại diện theo pháp luật của công ty không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N1 trình bày:

Vào năm 2008 giữa Công ty TNHH Đ và bà có ký hợp đồng lao động (thời gian lâu rồi bà không nhớ hợp đồng lao động có xác định thời hạn hay không xác định thời hạn). Bà làm việc tại công ty đến tháng 01 năm 2010 thì nghỉ việc. Thời gian bà làm việc tại công ty, công ty đóng bảo xã hội cho người lao động đầy đủ. Khi bà đến Công ty làm việc, bà cung cấp cho công ty hồ sơ xin việc gồm sơ yếu lý lịch, giấy khám sức khỏe; giấy chứng minh nhân dân; đơn xin việc làm. Hồ sơ thể hiện tên người xin việc là bà Nguyễn Thị N do đó toàn bộ hồ sơ tại công ty liên quan đến người lao động làm

việc cho Công ty Đ đều thể hiện tên Nguyễn Thị N, vì vậy hàng tháng công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên Nguyễn Thị N mà không phải là Dương Thị Như. Bà mượn hồ sơ của bà N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ là vì thời điểm đó bà không có hồ sơ xin việc nên mượn hồ sơ của bà N để xin việc làm. Bà không biết việc mượn hồ sơ của người khác để xin việc là bị pháp luật nghiêm cấm.

Nay, bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Đ và bà Nguyễn Thị N từ tháng 10/2008 đến tháng 01/2010 bị vô hiệu thì bà đồng ý. Ngoài ra, bà không trình bày gì khác và bà xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày: Công ty TNHH Đ có đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988, số chứng minh nhân dân 351930456, số CCCD: 089188027808, mã số Bảo hiểm xã hội 7409143763. Thời gian tham từ tháng 10/2008 đến tháng 01/2010 đã được BHXH tỉnh B xác nhận chốt sổ ngày 31/8/2010, chưa hưởng trợ cấp BHXH một lần và trợ cấp thất nghiệp. Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 127; Điều 131 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Đ và bà Nguyễn Thị N từ tháng 10/2008 đến tháng 01/2010 bị vô hiệu theo quy định của pháp luật. Xét, đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng lao động” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH Đ có trụ sở: Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của bị đơn trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, bà Dương Thị N1 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện vào tháng 10 năm 2008 giữa Công ty TNHH Đ và bà N (thực tế bà N1) ký hợp đồng lao động; công việc của bà N1 tại công ty là công nhân viên. Bà N1 làm việc tại công ty đến tháng 01 năm 2010 thì nghỉ việc. Thời gian bà N1 làm việc tại công ty, công ty có đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đầy đủ. Khi bà N1 đến công ty làm việc, bà N1 cung cấp cho công ty hồ sơ xin việc gồm sơ yếu lý lịch, giấy khám sức khỏe, giấy chứng minh nhân dân; đơn xin việc làm. Hồ sơ thể hiện tên người xin việc là bà Nguyễn Thị N do đó toàn bộ hồ sơ tại công ty liên quan đến người lao động làm việc cho Công ty TNHH Đ đều thể hiện tên Nguyễn Thị N, vì vậy hàng tháng công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên Nguyễn Thị N mà không phải là bà Dương Thị Như. Xét, sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Dương Thị N1 dùng nhân thân của bà Nguyễn Thị N để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ từ tháng 10 năm 2008 đến tháng 01 năm 2010 là không đúng chủ thể xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019). Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) xét thấy, yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Nguyễn Thị N và người sử dụng lao động Công ty TNHH Đ từ tháng 10 năm 2008 đến tháng 01 năm 2010 là có cơ sở chấp nhận.

Do đương sự chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và không có yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không xem xét.

Đối với quyền lợi của bà Dương Thị N1 do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH Đ phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127; 131 của Bộ luật dân sự);

Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994

Các Điều 15, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc tranh chấp hợp đồng lao động với bị đơn Công ty TNHH Đ.

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Nguyễn Thị N và Công ty TNHH Đ từ tháng 10 năm 2008 đến tháng 01 năm 2010 bị vô hiệu.

3. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Bảo hiểm xã hội thành phố T thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Nguyễn Thị N theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Công ty TNHH Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004771 ngày 04/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết

